

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	161325368	LÊ TỰ HÙNG	K16KMT	6		5.5					4.5	5.0	Năm		
2	161325649	HÀ THỊ HOÀI THANH	K16KMT	10		7.5					6.8	7.5	Bảy phẩy Năm		
3	161327336	BÙI LÊ MINH THUY	K16KMT	9		7					4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
4	162143145	V? TH Ị ÁI VÂN	K16KMT	10		9.5					6.3	7.8	Bảy phẩy Tám		
5	162253647	ĐOÀN NHƯ DIỆP	K16KMT	7		8					5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
6	162253653	NGUYỄN VĂN KHÁNH	K16KMT	10		6.5					5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
7	162253654	PHÙNG TÙNG LÂM	K16KMT	10		7					4.8	6.2	Sáu phẩy Hai		
8	162253656	HỒ THỊ NGỌC MỸ	K16KMT	10		7.5					6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
9	162253658	CA THỊ HỒNG NHÂN	K16KMT	10		8					6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
10	162253661	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	K16KMT	10		6.5					6.3	6.9	Sáu phẩy Chín		
11	162253663	HUỖNH BÁ SƠN	K16KMT	10		6					5	6.1	Sáu phẩy Một		
12	162253664	ĐẶNG ANH TÀI	K16KMT	9		7					6.8	7.2	Bảy phẩy Hai		
13	162253666	HUỖNH THỊ THUY	K16KMT	10		8.5					7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
14	162253669	BÙI THỊ HẢI YẾN	K16KMT	10		9					6.3	7.7	Bảy phẩy Bảy		
15	162256511	NGUYỄN VŨ ANH PHƯƠNG	K16KMT	10		7.5					5	6.5	Sáu phẩy Năm		
16	162256512	BẠCH MAI SƠN	K16KMT	5		2					2.8	0.0	Không		
17	162256711	TRẦN ANH PHI	K16KMT	5		6					4.5	5.0	Năm		
18	162256771	NGUYỄN ĐỨC ĐỘ	K16KMT	10		8.5					7.3	8.1	Tám phẩy Một		
19	162256772	LÊ QUỐC DŨNG	K16KMT	5		3					2.5	0.0	Không		
20	162256773	NGUYỄN THỊ ĐOAN PHƯƠNG	K16KMT	10		8					6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
21	162256774	ĐOÀN PHẠM NGỌC RIN	K16KMT	6		2.5					3.3	0.0	Không		
22	162256836	V? TR ẦN NGỌC ANH	K16KMT	0		0					v	0.0	Không	NỢ HP	
23	162256837	NGUYỄN HOÀNG PHI	K16KMT	10		7					4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
24	162256838	HOÀNG ANH TÚ	K16KMT	2		0					v	0.0	Không	NỢ HP	
25	162256877	NGUYỄN TRẦN ĐẠT	K16KMT	5		5					3.5	0.0	Không		
26	162256878	NGUYỄN THỊ THI	K16KMT	10		7.5					3	0.0	Không		
27	162256928	NGUYỄN THẾ CHÂU	K16KMT	10		7					4.8	6.2	Sáu phẩy Hai		
28	162257008	TRẦN THỊ HỒNG THOA	K16KMT	10		8.5					4.3	6.4	Sáu phẩy Bốn		
29	162257055	TRẦN THỊ HUỖNH TÂM	K16KMT	10		7.5					6.8	7.5	Bảy phẩy Năm		
30	162257056	ĐẶNG THỊ CẨM TIÊN	K16KMT	10		9					5.8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
31	162257089	BÙI VĂN QUÍ	K16KMT	10		6					4	5.5	Năm phẩy Năm		
32	162257091	HUỖNH NGỌC SÂM	K16KMT	5		3					4	3.9	Ba phẩy Chín		
33	162257092	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	K16KMT	9		6					4	5.4	Năm phẩy Bốn		
34	162257176	LÊ THỊ NHIỀU	K16KMT	10		8.5					4.3	6.4	Sáu phẩy Bốn		

Thời gian : 09h00 - 09/10/2011

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	55%				
35	162257260	HUỖNH THỊ KIM	PHU?NG	K16KMT	7		0					v	0.0	Không	NỢ HP
36	162257261	NGUYỄN VĂN	QUANG	K16KMT	10		6					4.3	5.7	Năm ph?y Bảy	
37	162257262	LÊ HOÀI	THU?NG	K16KMT	5		3					2	0.0	Không	
38	162257351	LÊ THỊ PHU?NG	DUNG	K16KMT	10		8.5					5.5	7.1	B?y ph?y M?c	
39	162257352	LÊ KHẮC HÀ	GIANG	K16KMT	10		7					4.8	6.2	Sáu ph?y Hai	
40	162257353	ĐINH HẠNH	NGUYỄN	K16KMT	9		7					5.3	6.4	Sáu ph?y Bốn	
41	162257425	NGUYỄN PHI	KHOA	K16KMT	10		5					3.3	0.0	Không	
42	162257426	LÊ HOÀNG ANH	TUẤN	K16KMT	10		7.5					6.5	7.3	B?y ph?y Ba	
43	162257497	TRẦN Đ?NH	ANH	K16KMT	6		0					v	0.0	Không	NỢ HP
44	162257498	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	K16KMT	10		8.5					5.8	7.2	B?y ph?y Hai	
45	162257499	V? TH Ị HOÀI	UYỄN	K16KMT	10		9					5.8	7.4	B?y ph?y Bốn	

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THÔNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	33	73%	
2	Số sinh viên nợ	12	27%	
TỔNG CỘNG :		45	100%	

Đà Nẵng, 20/10/2011

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

L?NH ĐẠO KHOA
(K? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(K? và ghi r? họ tên)

V? QU ỐC TOÀN

TRẦN THỊ MỸ DIỆU

NGUYỄN THU?NG

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ